

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH DŨNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THÀNH DŨNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH DUNG SERVICE AND TRADING IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH DUNG STIE CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109152593

3. Ngày thành lập: 03/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10 Hẻm 3/2/20 Phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987.823.033

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
6.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
7.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
8.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
9.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
17.	Lập trình máy vi tính	6201

18.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
19.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
20.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
21.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật	7110
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299(Chính)
25.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra);	6399
26.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
27.	Quảng cáo	7310
28.	In ấn	1811
29.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ in tem)	1812
30.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý internet	6190
31.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
32.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932

33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
35.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
37.	Cơ sở lưu trú khác	5590
38.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
39.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
40.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
41.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
42.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
43.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
44.	Xây dựng nhà để ở	4101
45.	Xây dựng nhà không để ở	4102
46.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
47.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
48.	Xây dựng công trình điện	4221
49.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
50.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
51.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
52.	Xây dựng công trình thủy	4291
53.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
54.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
56.	Phá dỡ	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Trồng lúa	0111
60.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
61.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113

62.	Trồng cây mía	0114
63.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
64.	Trồng cây lấy sợi	0116
65.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
66.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
67.	Trồng cây hàng năm khác	0119
68.	Trồng cây ăn quả	0121
69.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
70.	Trồng cây điều	0123
71.	Trồng cây hồ tiêu	0124
72.	Trồng cây cao su	0125
73.	Trồng cây cà phê	0126
74.	Trồng cây chè	0127
75.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
76.	Trồng cây lâu năm khác	0129
77.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
78.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
79.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
80.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
81.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
82.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
83.	Chăn nuôi gia cầm	0146
84.	Chăn nuôi khác	0149
85.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
86.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
87.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
88.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
89.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
90.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
91.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
92.	Khai thác gỗ	0220
93.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Trừ các loại Nhà nước cấm)	0231
94.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
95.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
96.	Khai thác thủy sản biển	0311
97.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
98.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
99.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

100.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
101.	Khai thác và thu gom than non	0520
102.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
103.	Khai thác quặng sắt	0710
104.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
105.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
106.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ ĐOÀI	Số 10 Hẻm 3/2/20 Phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.020.000.000	51,000	001189001875	
2	TRẦN THANH HẰNG	Số 1A Nhà 12, Tập thể Quân Đội, Đường Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	980.000.000	49,000	012795338	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ ĐOÀI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/07/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001189001875

Ngày cấp: 08/02/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10 Hẻm 3/2/20 Phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 10 Hẻm 3/2/20 Phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội